

Số: **4206/LĐTBXH-VPQGGN**
V/v lập kế hoạch triển khai Chương
trình MTQG Giảm nghèo và An sinh
xã hội bền vững năm 2021

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Thông tư số 71/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023; trên cơ sở Công văn số 5006/BKHĐT-TH ngày 04/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững năm 2021 (nội dung Giảm nghèo), cụ thể như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

- Đánh giá những kết quả đạt được của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 9 tháng đầu năm 2020 và ước thực hiện cả năm 2020 (Công tác chỉ đạo điều hành; tình hình phân bổ vốn ngân sách trung ương, kết quả huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đánh giá những mặt được, chưa được, nguyên nhân... Trong đó có so sánh, đánh giá khả năng hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền giao thực hiện);

- Dự kiến kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ; nhu cầu vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, khả năng huy động các nguồn lực thực hiện năm 2021 đối với nội dung giảm nghèo đảm bảo phù hợp với định hướng, mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Nội dung

- Căn cứ Quyết định 48/2016/QĐ-TTg về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2021 cho các dự án 1, 3, 4 và 5 theo quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016.

- Đối tượng phân bổ vốn dự án 1. Chương trình 30a: 56 huyện nghèo nhóm 1 theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020; danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (trừ các xã lên phường, thị trấn hoặc đạt chuẩn nông thôn mới).

(Mẫu biểu kèm theo công văn)

Báo cáo của UBND các tỉnh, thành phố, đề nghị gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo, địa chỉ: ngõ số 7 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội, thư điện tử: kh.giamngheo@gmail.com) trước ngày 26/10/2020 để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tin và Truyền thông;
- Sở LĐ-TB&XH các tỉnh, thành phố;
- Website giảm nghèo;
- Lưu: VT, Vụ KHTC, VPQGGN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Văn Thanh

Phụ lục I

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2020 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2021

(Kèm theo công văn số 4206/LĐTBXH-VPQGGN ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2020

1. Công tác quản lý, điều hành thực hiện Chương trình

1.1. Ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

a) Kết quả ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và quy định của Trung ương.

b) Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương, trong đó làm rõ những cơ chế, chính sách có tính chất đột phá nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của Chương trình; những khó khăn, vướng mắc cần phải khắc phục trong quá trình triển khai thực hiện.

1.2. Công tác kiện toàn hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

1.3. Nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp

1.4. **Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về giảm nghèo;** kết quả thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau"; sự tham gia của các đoàn thể chính trị, xã hội.

1.5. Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình

1.6. Công tác quản lý, sử dụng vốn ngân sách trung ương và huy động nguồn lực thực hiện CTMTQG Giảm nghèo bền vững

a) Kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương được giao thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững

b) Khối lượng hoàn thành và tiến độ giải ngân kế hoạch vốn NSTW được giao tính đến hết tháng 9/2020 và ước thực hiện đến hết năm 2020.

c) Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2020, bao gồm: nguồn cân đối bố trí từ NSNN (nguồn hỗ trợ từ NSTW, nguồn vốn đối ứng từ NSDP, nguồn nước ngoài hòa đồng NSNN); nguồn vốn tín dụng, nguồn huy động khác.

2. Kết quả thực hiện mục tiêu của Chương trình

3. Đánh giá kết quả chung đạt được và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân cần khắc phục

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2021

1. Mục tiêu

2. Dự kiến nguồn lực và khả năng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2021

2.1. Dự kiến nhu cầu vốn Trung ương

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020 và Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 275/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020 và Quyết định số 965/QĐ-TTg ngày 7/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Điều 3 Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 7/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018-2020, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Điều 2 Quyết định 131/QĐ-TTg phê duyệt Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận vào Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 131/QĐ-TTg phê duyệt Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

- Kế hoạch năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững áp dụng theo các định mức đã phân bổ trong năm 2020 (không phân bổ cho Dự án 2. Chương trình 135)

2.1.1. Dự án 1. Chương trình 30a

2.1.1.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo

a) Nội dung: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh ở các huyện nghèo.

b) Tiêu chí phân bổ:

Các tiêu chí theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

c) Định mức phân bổ:

- Đối với vốn đầu tư phát triển

+ Tổng vốn đầu tư cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = $A \times X$

+ Tổng vốn đầu tư cho một huyện hưởng cơ chế 70% các huyện theo Nghị quyết 30a = $70\% \times A \times X$

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện (37.935,5 triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 04 nhóm tiêu chí (hệ số theo dân số + hệ số theo dân tộc thiểu số + hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo + hệ số theo diện tích đất tự nhiên + hệ số theo số đơn vị hành chính + hệ số theo số xã biên giới).

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển.

d) Kinh phí dự kiến phân bổ cho Tiểu dự án 1. Chương trình 30a

2.1.1.2 Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

a) Nội dung: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

b) Tiêu chí phân bổ: Các tiêu chí theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

c) Định mức phân bổ:

- Vốn đầu tư phát triển: 1.213 triệu đồng/xã/năm (theo định mức năm 2020)

Lưu ý: Theo quy định tại Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương không phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng cho các xã được công nhận lên phường, thị trấn hoặc các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo danh sách các xã được phê duyệt tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 và Quyết định 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018 (hiện có 116 xã đã lên nông thôn mới/phường, thị trấn và sáp nhập đơn vị hành chính).

- Vốn duy tu bảo dưỡng: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển

d) Kinh phí dự kiến phân bổ thực hiện Tiểu dự án 2 là: 254.017 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư phát triển: 238.961 triệu đồng phân bổ theo định mức năm 2020
- Vốn sự nghiệp (duy tu bảo dưỡng): 15.056 triệu đồng.

2.1.1.3. Tiêu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn (ĐBK) vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

a) Nội dung:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với quy hoạch sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn;

- Hỗ trợ đa dạng các hình thức sinh kế phi nông nghiệp, ngành nghề dịch vụ, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa bàn;

- Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả; tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường.

b) Tiêu chí: Các tiêu chí theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

c) Định mức phân bổ:

- * Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo

Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a
 $= A \times X$

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một huyện (7.534,2 triệu đồng).

X: Tổng các hệ số theo 04 nhóm tiêu chí (hệ số theo dân số + hệ số theo dân tộc thiểu số + hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo + hệ số theo diện tích đất tự nhiên + hệ số theo số đơn vị hành chính + hệ số theo số xã biên giới).

Cơ cấu vốn giữa hoạt động phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các huyện nghèo là 80% và 20%.

- * Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

- Định mức phân bổ: Định mức phân bổ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình cho xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: 0,3 tỷ đồng/xã/năm.

Lưu ý: Theo quy định tại Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương không phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo cho

các xã được công nhận lên phường, thị trấn hoặc các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo danh sách các xã được phê duyệt tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 và Quyết định 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018.

d) Kinh phí thực hiện:

2.1.1.4. Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài

a) Nội dung: Tăng số lượng, nâng cao chất lượng lao động tham gia xuất khẩu lao động tại các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo bền vững.

b) Tiêu chí: Các tiêu chí theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

c) Định mức phân bổ:

d) Kinh phí dự kiến phân bổ cho Tiêu dự án 4

Lưu ý: Theo quy định tại Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương không phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài cho các xã được công nhận lên phường, thị trấn hoặc các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo danh sách các xã được phê duyệt tại Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 và Quyết định 1421/QĐ-TTg ngày 25/10/2018.

2.1.2. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135

a) Nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với tạo việc làm theo hướng sản xuất hàng hóa trên cơ sở quy hoạch sản xuất nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương; góp phần giảm rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân trên địa bàn. Hỗ trợ đa dạng các hình thức sinh kế phi nông nghiệp, ngành nghề dịch vụ, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa bàn. Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả; tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận các chính sách, nguồn lực, thị trường.

b) Tiêu chí phân bổ: Các tiêu chí theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

c) Định mức phân bổ:

d) Kinh phí thực hiện Dự án 3

2.1.3. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Nội dung:

- Truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Xây dựng, củng cố hệ thống thông tin cơ sở; tăng cường nội dung thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của nhà nước và đáp ứng nhu cầu thông tin thiết yếu của xã hội; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

b) Tiêu chí cụ thể: Các tiêu chí theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

c) Định mức phân bổ:

d) Kinh phí:

2.1.4. Dự án Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá

a) Nội dung: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp. Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

b) Tiêu chí phân bổ: Các tiêu chí theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Bố trí kinh phí cho các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách trên địa bàn, ưu tiên các tỉnh có tỷ lệ cân đối ngân sách dưới 50% và tỷ lệ nghèo trên 20%.

c) Định mức phân bổ:

d) Kinh phí thực hiện Dự án 5

2.2. Khả năng bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; huy động các nguồn lực ngoài ngân sách (tín dụng, doanh nghiệp, huy động người dân và cộng đồng đóng góp)

3. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ KHÁC (NẾU CÓ)

Phụ lục II

DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CTMTQG GIẢM NGHÈO VÀ AN SINH XÃ HỘI BỀN VỮNG NĂM 2021 (Nội dung về Giảm nghèo)
(Kèm theo công văn số 4206/LĐTBOXH-VPQGGN ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Dự án, hoạt động (theo Quyết định 1722/QĐ-TTg)	NSTW- Dự kiến Kinh phí 2021 (triệu đồng)			NSDP - Dự kiến Kinh phí 2021 (triệu đồng)			Huy động khác
		Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	Tổng cộng	Nguồn ĐTPT	Nguồn sự nghiệp	
1	Dự án 1. Chương trình 30a							
1.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo							
1.2	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo							
1.3	Tiểu dự án 3.							
1.4	Tiểu dự án 4.							
2	Dự án 3.							
2.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế							
2.2	Nhân rộng mô hình giảm nghèo							
3	Dự án 4.							
3.1	Truyền thông							
3.2	Giảm nghèo về thông tin							
4	Dự án 5.							